

Số: 127/2026/QĐST-DS

Ninh Bình, ngày 01 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số: 127/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Trọng K, sinh ngày 20/9/1961; Căn cước công dân số 036061008845 cấp ngày 21/6/2021; Địa chỉ: thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Ông Vũ Như T, sinh năm 1954; Căn cước công dân số 036054008916; cấp ngày 13/8/2021; Địa chỉ: thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963; Số CCCD: 036163017255 cấp ngày 14/8/2021. Địa chỉ: thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1957, Số CCCD 036157010709, cấp ngày 06/9/2021; địa chỉ: thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình;

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Như T và bà Vũ Thị M là anh Vũ Văn T2, sinh năm 1981; Số CCCD 036081009775, cấp ngày 09/9/2022; địa chỉ: thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1 là ông Vũ Trọng K;

Người làm chứng:

1. Ông Vũ Tiến D, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; cùng địa chỉ: thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình;

2. Ông Vũ Văn T3, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình;

3. Ông Vũ Văn N, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn A, xã N, tỉnh Ninh Bình;

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nội dung các đương sự gồm ông K, ông T và bà M đã thống nhất thỏa thuận các nội dung như sau:

1.1. Về xác định ranh giới:

Các đương sự gồm ông K, ông T và bà M thống nhất như sau: Xác định ranh giới giữa thửa đất 144 của hộ ông Vũ Trọng K và thửa đất 145 của hộ ông Vũ Như T là đường gấp khúc từ không gian đến lòng đất được kéo thẳng bởi các điểm (9,8,7,6). Gia đình ông T và bà M phải phá dỡ bức tường bao (kéo từ điểm 8 đến điểm 9) và bức tường của công trình phụ ở cạnh phía Bắc nhà ông T bà M xây tổng diện tích là $1m^2$ (dài 5,8m cạnh phải B, ngang 0,4m cạnh phía Tây) để trả lại phần diện tích đất đã lấn sang thửa đất của hộ ông K cho gia đình ông K và bà T1.

Ông K, ông T và bà M thống nhất các điểm mốc như sau: điểm 9 là mép ngoài tường bao của gia đình ông T xây sát mép trụ cổng của gia đình ông K. Điểm 8 và điểm 7 là mép tường ngoài công trình phụ của gia đình ông T. Điểm 7 và điểm 6 là mép ngoài tường bao gạch bi của gia đình ông T xây.

1.2. Hộ ông K được sử dụng thửa đất số 144 và diện tích $19m^2$ đất vườn tạp ký hiệu S2 giới hạn bởi các điểm mốc (5,6,7,8,9,5);

1.3. Hộ ông T được sử dụng thửa đất số 145.

(Có sơ đồ kèm theo Quyết định);

1.4. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký biến động và làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo đúng diện tích và ranh giới đã xác định theo quyết định của Tòa án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông K, bà T1, ông T và bà M do thuộc đối tượng người cao tuổi có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Về chi phí tố tụng: ông K nhận nộp chi phí thẩm định thực địa, đo đạc các thửa đất tranh chấp và định giá tài sản trên đất tranh chấp. **Xác nhận ông K đã nộp xong chi phí tố tụng.**

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 9 + tỉnh;
- THADS tỉnh;
- UBND xã Nam Ninh;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Phạm Thúy Nga

SƠ ĐỒ PHÂN ĐỊNH RANH GIỚI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Quyết định số 127/2026/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026
của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh;
- VKSND khu vực 9;
- THADS tỉnh;
- UBND xã Nam Ninh;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

THẨM PHÁN

Phạm Thúy Nga

